

Số: 3434 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Thanh toán tiền chủ nhiệm các lớp tiên tiến, dạy bằng tiếng nước ngoài,
chất lượng cao năm học 2024-2025**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh toán tiền chủ nhiệm các lớp tiên tiến, dạy bằng tiếng nước ngoài, chất lượng cao năm học 2024-2025 đối với các nhà giáo có tên trong danh sách đính kèm.

- | | |
|------------------------------------|------------------|
| 1. Tổng số tiền thanh toán: | 74.880.000 đồng. |
| 2. Số tiền chi thừa năm học trước: | 0 đồng. |
| 3. Số tiền chi đợt này: | 74.880.000 đồng. |

Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các nhà giáo có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB, LT(10).



Nguyễn Thị Lan



BẢNG THANH TOÁN TIỀN
CHỦ NHIỆM CÁC LỚP TIỀN TIẾN, CHẤT LƯỢNG CAO NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số **3434** /QĐ-HVN ngày 11 tháng 7 năm 2025
của Giám đốc Học viện nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV*	Họ tên	Đơn vị	Số tiết (tiết)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Trừ số chi thừa năm trước (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
1	QKT06	Đào Hồng Vân	Khoa Kế toán và QTKD	26	80,000	2,080,000		2,080,000	1/2 kỳ vì HK1 kết thúc
2	MKT17	Nguyễn Trọng Tuynh	Khoa Kế toán và QTKD	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
3	TCH09	Nguyễn Thị Hương	Khoa Kế toán và QTKD	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
4	STV01	Đặng Thị Thanh Tâm	Khoa Công nghệ sinh học	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
5	SPT21	Phạm Thị Dung	Khoa Công nghệ sinh học	26	80,000	2,080,000		2,080,000	1/2 kỳ vì HK1 kết thúc
6	KST08	Nguyễn Thị Nhiên	Khoa Công nghệ sinh học	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
7	STV12	Đinh Trường Sơn	Khoa Công nghệ sinh học	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
8	SH004	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Khoa Công nghệ sinh học	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
9	CCN11	Bùi Thế Khuynh	Khoa Nông học	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
10	HTN02	Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Khoa Nông học	26	80,000	2,080,000		2,080,000	1/2 kỳ vì HK1 kết thúc
11	CTU15	Trần Thị Thu Phương	Khoa Nông học	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
12	HTN10	Nguyễn Thị Ngọc Dinh	Khoa Nông học	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
13	CTH08	Thiều Thị Phong Thu	Khoa Nông học	52	80,000	4,160,000		4,160,000	



STT	Mã học viên	Họ tên	Đơn vị	Số tiết (tiết)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Trừ số chi thừa năm trước (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
14	KNN05	Phạm Thị Thanh Thúy	Khoa Kinh tế và Quản lý	26	80,000	2,080,000		2,080,000	1/2 kỳ vì HK1 kết thúc
15	KNN14	Đỗ Thị Thanh Loan	Khoa Kinh tế và Quản lý	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
16	KNN12	Nguyễn Phương Lê	Khoa Kinh tế và Quản lý	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
17	KT007	Trần Đức Trí	Khoa Kinh tế và Quản lý	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
18	KT015	Đông Thanh Mai	Khoa Kinh tế và Quản lý	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
19	KT009	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Khoa Kinh tế và Quản lý	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
20	KT017	Bùi Thị Khánh Hòa	Khoa Kinh tế và Quản lý	52	80,000	4,160,000		4,160,000	
		Tổng cộng		936		74,880,000		74,880,000	

Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn